

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Về việc ban hành Quy chế quản lý, thu nộp và sử dụng**Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 177/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước;

Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ nêu tại công văn số 32/VPCP-ĐMDN ngày 19 tháng 5 năm 2000 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, thu nộp và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Quyết định số 177/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành và thay thế Quyết định số 01/1998/QĐ-BTC ngày 02/01/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tiền bán cổ phần và lợi tức cổ phần của Nhà nước.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thi hành Quyết định này.

Điều 3: Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Cơ quan quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP

VÀ CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2000/QĐ-TTC ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHƯƠNG I: THÀNH LẬP VÀ NGUỒN HÌNH THÀNH QUỸ

Điều 1: Quỹ hỗ trợ, sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước nhằm giải quyết chế độ cho người lao động, tạo điều kiện và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình sắp xếp lại và chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi phương thức quản lý, cụ thể là các doanh nghiệp thực hiện chia tách, sáp nhập, cổ phần hoá, giao, khoán, bán, cho thuê theo quy định tại Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 và Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ, Quyết định số 177/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2: Quỹ hỗ trợ, sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi tắt là Quỹ sắp xếp doanh nghiệp) được thành lập ở 3 cấp Trung ương, địa phương và Tổng Công ty 91; cụ thể là:

1. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương:

Nguồn vốn của Quỹ này được hình thành từ: các nguồn thu khi thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành quản lý; các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Chính phủ và các Bộ, ngành để thực hiện sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; Ngân sách Trung ương cấp theo kế hoạch hàng năm (nếu có).

2. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp địa phương:

Nguồn vốn của Quỹ này được hình thành từ các khoản thu khi thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý; các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho địa phương để thực hiện sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và Ngân sách địa phương cấp theo kế hoạch hàng năm (nếu có).

3. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp ở Tổng công ty 91:

Nguồn vốn của Quỹ này được hình thành từ các khoản thu khi thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp nhà nước là thành viên của Tổng Công ty 91; các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Tổng Công ty để thực hiện sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3: Các nguồn thu cụ thể từ doanh nghiệp vào Quỹ sắp xếp doanh nghiệp tại 3 cấp nói trên bao gồm:

1. Tiền thực thu từ bán phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước khi thực hiện cổ phần hoá (bao gồm cả tiền thu cổ phần bán trả chậm cho người lao động).

2. Tiền thu được từ các hoạt động bán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước (sau đó bán lại cho người nhận thuê) sau khi trừ chi phí phục vụ cho việc bán, cho thuê doanh nghiệp; thanh toán các khoản nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, thanh toán các khoản nợ có đảm bảo và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiền thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của người lao động ở các doanh nghiệp sau 3 năm thực hiện hình thức giao cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp (thu 30% giá trị cổ phần tại thời điểm được giao doanh nghiệp).

4. Tiền thu từ việc thu hồi các khoản công nợ khó đòi đã được xử lý, bán các tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản thanh lý đã loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu sau khi trừ chi phí phục vụ cho các hoạt động nhượng bán, thanh lý tài sản, thu hồi công nợ.

5. Tiền thu về bán các tài sản của các doanh nghiệp nhà nước bị giải thể, sau khi trừ các chi phí phục vụ cho hoạt động giải thể doanh nghiệp, thanh toán các khoản nợ như quy định tại Thông tư số 25/TC/TCĐN ngày 15/5/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục, nguyên tắc xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp nhà nước.

6. Cổ tức và các khoản thu nhập được chia từ phần vốn góp của Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty TNHH được hình thành trên cơ sở thực hiện chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp nhà nước hoặc do các doanh nghiệp này góp bằng vốn Nhà nước.

Điều 4: Đối với khoản tiền thu về bán phần vốn Nhà nước của các doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hoá hiện đang gửi ở tài khoản "tiền gửi thu về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước" thì tùy theo cấp quản lý doanh nghiệp, Kho bạc Nhà nước thực hiện việc chuyển tiền về tài khoản của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp tương ứng.

Đối với các Tổng công ty 90 (có Hội đồng quản trị) thuộc Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có doanh nghiệp thành viên thực hiện chuyển đổi sở hữu thì tùy theo từng trường hợp cụ thể, cơ quan quản lý quốc có thể xem xét giải quyết cho để lại Tổng công ty tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp thành viên thực hiện chuyển đổi để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển theo phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5: Các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tổng Công ty 91 chỉ đạo các ban, ngành chức năng:

1. Phối hợp với cơ quan Tài chính doanh nghiệp cùng cấp kiểm tra các khoản chi phí cho việc chuyển đổi sở hữu ở các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý và xác định số tiền doanh nghiệp phải nộp vào Quỹ.

2. Đơn đốc các doanh nghiệp trực thuộc có thực hiện chuyển đổi sở hữu, Ban thanh lý tài sản và Hội đồng giải thể doanh nghiệp (thuộc Bộ, địa phương, Tổng Công ty quản lý) nộp ngay vào Quỹ số tiền thu được từ việc bán, giao, cổ phần hoá doanh nghiệp, thanh lý, nhượng bán tài sản của các doanh nghiệp bị giải thể hoặc tài sản và thu hồi các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp trước khi thực hiện chuyển đổi sở hữu (sau khi trừ đi các khoản chi phí theo chế độ).

3. Người đại diện phần vốn của Nhà nước góp tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc phân phối và trích chuyển kịp thời các khoản thu nhập được chia (tương ứng với phần vốn Nhà nước góp ở doanh nghiệp này) vào tài khoản của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp.

CHƯƠNG II: SỬ DỤNG QUỸ

I. Giải quyết chính sách và hỗ trợ cho người lao động trong các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu

Điều 6: Trước khi thực hiện sắp xếp hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước, Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) và Ban đổi mới tại doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với công đoàn doanh nghiệp:

1. Lập danh sách và phân loại số lao động hiện có của doanh nghiệp thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu theo các đối tượng:

a. Lao động thuộc diện đào tạo, đào tạo lại để bố trí việc làm mới.

b. Lao động bị mất việc.

c. Lao động tự nguyện thôi việc.

d. Lao động hết hạn hợp đồng.

2. Lập phương án giải quyết chính sách cho số lao động này theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Phương án giải quyết chính sách cho người lao động của các doanh nghiệp phải xác định rõ:

a. Tổng số chi phí để giải quyết chính sách cho người lao động.

b. Khả năng tự thanh toán của doanh nghiệp từ quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

c. Số còn thiếu đề nghị Quỹ hỗ trợ.

3. Danh sách và phương án giải quyết chính sách cho người lao động thuộc diện được đào tạo lại để bố trí công việc mới, lao động hết hạn hợp đồng hoặc tự nguyện thôi việc, lao động không bố trí được việc làm, phải được công bố công khai tại doanh nghiệp và gửi cùng đề án sắp xếp hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp cho cấp có thẩm quyền để xét duyệt và cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp để theo dõi, phối hợp.

Điều 7: Mức hỗ trợ từ Quỹ cho việc đào tạo và đào tạo lại để giải quyết việc làm mới cho người lao động để tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau khi thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu trong phương án nói tại Điều 6 được xác định như sau:

1. Đối với số lao động thuộc diện được đào tạo, đào tạo lại tại các doanh nghiệp nhà nước sau khi thực hiện chia tách, sáp nhập: Mức hỗ trợ của quỹ bằng 50% định mức kinh phí do Nhà nước quy định cho 1 năm đào tạo và đào tạo lại; phần chi phí đào tạo còn thiếu doanh nghiệp hạch toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

2. Đối với số lao động thuộc diện được đào tạo, đào tạo lại tại các doanh nghiệp nhà nước sau khi thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê: hỗ trợ theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá định mức kinh phí do Nhà nước quy định cho 1 năm đào tạo và đào tạo lại; phần chi phí đào tạo còn thiếu doanh nghiệp hạch toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Định mức chi phí đào tạo và đào tạo lại được điều chỉnh thích hợp trong từng thời kỳ, trước mắt áp dụng theo định mức chi đào tạo đã được Bộ Tài chính quy định và áp dụng từ năm 1998 (Phụ biểu đính kèm)

Điều 8. Mức hỗ trợ từ Quỹ để thanh toán các khoản trợ cấp cho người lao động bị mất việc, thôi việc (hết hạn hợp đồng hoặc tự nguyện chấm dứt hợp đồng) ở các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu trong phương án nói tại Điều 6 được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức hỗ trợ từ Quỹ sắp xếp doanh nghiệp} &= \text{Chi phí trợ cấp cho} - \text{Số dư quỹ dự phòng trợ cấp} \\ &\text{người lao động thôi} \quad \text{mất việc làm của doanh nghiệp} \\ &\text{việc, mất việc} \end{aligned}$$

- Chi phí trợ cấp thôi việc, mất việc theo chế độ được quy định tại Bộ luật Lao động, Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994, Nghị định số 72/CP ngày 31/10/1995 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Điều 9: Căn cứ vào phương án và mức hỗ trợ từ Quỹ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp tiến hành:

- Lập hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý Quỹ chuyển tiền hỗ trợ.

- Tiếp nhận các khoản hỗ trợ từ Quỹ.

-Tổ chức chi trả cho các đối tượng

-Thanh quyết toán với Quỹ sắp xếp doanh nghiệp.

Điều 10: Hồ sơ đề nghị Quỹ hỗ trợ bao gồm:

-Phương án hỗ trợ để giải quyết chính sách cho người lao động ở doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kèm theo danh sách người lao động được hưởng trợ cấp và mức trợ cấp được hưởng).

-Bản sao báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu.

-Hợp đồng đào tạo giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo (trường hợp doanh nghiệp không có cơ sở tự đào tạo).

Điều 11: Quyết toán kinh phí:

1.Đối với các khoản trợ cấp mất việc, thôi việc: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, doanh nghiệp hoặc tổ chức được tiếp nhận và sử dụng nguồn hỗ trợ từ Quỹ phải báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ với cơ quan quản lý Quỹ.

2.Đối với khoản hỗ trợ về đào tạo và đào tạo lại: chậm nhất là 30 ngày sau khi kết thúc chương trình đào tạo, đào tạo lại, doanh nghiệp phải báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ với cơ quan quản lý Quỹ.

3.Trường hợp chưa sử dụng hết kinh phí, doanh nghiệp phải báo cáo rõ nguyên nhân và hướng xử lý với cơ quan quản lý Quỹ và cơ quan phê duyệt phương án hỗ trợ để xin ý kiến.

4.Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ quan quản lý Quỹ phải thực hiện công tác kiểm tra báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ với doanh nghiệp hoặc tổ chức được tiếp nhận.

II. Hỗ trợ và đầu tư vốn cho doanh nghiệp:

Điều 12: Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nhà nước theo các phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nhà nước cần ưu tiên củng cố.

2.Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp có số vốn Nhà nước không đủ để thực hiện chính sách ưu đãi về giá bán cổ phần cho người lao động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt như quy định tại Điều 14 Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ.

3.Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp có số vốn Nhà nước không đủ để đảm bảo tỷ trọng vốn Nhà nước chi phối.

Đối với các doanh nghiệp loại này mức hỗ trợ của Quỹ được xác định trên cơ sở: Tỷ trọng vốn Nhà nước cần thiết phải duy trì trong cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp theo phương án chuyển đổi sở hữu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và số vốn nhà nước thực tế có ở doanh nghiệp.

4.Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp có tỷ trọng vốn Nhà nước trên vốn kinh doanh thấp, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp xử lý các khoản nợ quá hạn và cơ cấu lại nợ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trước khi chuyển đổi.

Đối với các doanh nghiệp loại này mức hỗ trợ của Quỹ được xác định trên cơ sở: Phương án cơ cấu lại nợ trước khi thực hiện chuyển đổi sở hữu của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng số nợ vay quá hạn và khả năng thanh toán thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm có quyết định thực hiện chuyển đổi sở hữu.

Điều 13: Đầu tư vốn cho những doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hoá.

1.Hình thức hỗ trợ: mua lại cổ phiếu do các doanh nghiệp nói trên phát hành để thực hiện dự án đầu tư.

2. Mức và phạm vi hỗ trợ từ Quỹ:

Đối với những doanh nghiệp nhà nước cần thiết phải giữ cổ phần chi phối: Quỹ sắp xếp doanh nghiệp thực hiện sự hỗ trợ vốn (mua lại cổ phiếu) cho doanh nghiệp theo phương án hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện dự án và tỷ trọng cổ phần Nhà nước cần thiết phải duy trì trong cơ cấu vốn của doanh nghiệp.

Điều 14: Hỗ trợ thanh toán nợ những doanh nghiệp nhà nước thực hiện giao, bán, cho thuê:

1.Đối với các doanh nghiệp thực hiện giao cho tập thể người lao động: Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ thanh toán nợ Bảo hiểm xã hội cho những doanh nghiệp không có khả năng thanh toán tại thời điểm có quyết định giao doanh nghiệp do hoạt động sản xuất kinh doanh trước đó bị lỗ.

2. Đối với các doanh nghiệp nhà nước thực hiện bán, cho thuê (sau đó bán lại cho người nhận thuê): Quỹ sắp xếp doanh nghiệp chi hỗ trợ thanh toán các khoản nợ Bảo hiểm xã hội, nợ vay Ngân hàng, nợ phải trả khác trong trường hợp không người mua nào chịu kế thừa nợ và